

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

Bản án HNGĐ sơ thẩm
Số: 23/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 15/5/2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

V/v: Tranh chấp về HN&GD.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.
Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân; Ông Trần Quang Lưu.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hà Phương- Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 117/2024/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 2003; Trú tại: Tổ 22, khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1988; Trú tại: NC, tỉnh Bắc Ninh.
(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Bùi Thị T có lời khai trình bày: Chị kết hôn với anh N năm 2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đạo, huyện Tiên Du. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà anh N được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng vào miền N làm ăn. Vợ chồng chung sống với nhau gần 01 tháng thì ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và ly thân là do anh N ham mê cá độ, lô đề, nợ nần rất nhiều, chủ nợ gọi điện đến chị đòi nợ suốt ngày thậm chí đăng lên mạng xã hội làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã căng thẳng. Đầu năm 2023 vợ chồng ly thân, anh N nợ nần không có trách nhiệm với vợ con mà cuộc sống của hai mẹ con là do tự chị lo toan. Nhiều năm qua, chị có chồng nhưng cuộc sống tự mình gánh vác, không có sự chia sẻ,, quan T, lo lắng từ chồng mà còn phải đau đầu vì chồng chơi bời nợ nần chồng chất.

Vợ chồng kết hôn gần 05 năm nhưng anh N không hề có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau số lần gặp nhau, thời gian ở bên nhau rất ít, anh N luôn lấy lý do công việc làm ăn khó khăn có khi cả năm mới về thăm vợ con một lần. Nay Tòa án giải quyết ly hôn anh N lại yêu cầu chị phải cho anh ấy thêm cơ hội là vô lý vì bản thân anh N chỉ ham mê chơi bời, nợ nần nhiều

năm đến nay không dứt. Anh N muốn con có đầy đủ cha mẹ nhưng nhiều năm qua con có mấy khi nhìn thấy cha hay được cha chăm sóc. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chấp nhận lý lẽ vô lý của anh N và cũng quá mệt mỏi rồi. Chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn;

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn H2, sinh ngày 17/02/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ trong Đồng Nai nên chị xin tiếp tục được nuôi con. Công việc của chị là lao động tự do, làm móng (sơn móng tay- chân); Bán hàng online trên mạng, tổng thu nhập hàng tháng khoảng 15-20 triệu đồng nhưng vì là lao động tự do chị không có chứng cứ chứng minh thu nhập. Chị khẳng định chị có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con vì anh N nợ nần còn chưa trả hết nên không thể có điều kiện chăm nuôi tốt cho con.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết;

Phía Bị đơn (anh Nguyễn Công N) có lời khai trình bày. Anh N thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị T khai là đúng. Anh trình bày thêm: Sau khi anh chị kết hôn, năm 2022 vợ chồng vào N làm ăn. Chị T làm móng tay, móng chân còn anh làm đầu bếp nấu ăn cho các nhà hàng. Hai vợ chồng công việc ở xa ít gặp nhau. Thời gian từ 2023-2024 công việc của anh gặp khó khăn ít gặp vợ nên vợ chồng mâu thuẫn. Chỗ anh làm ở Sài Gòn còn vợ làm ở Cà Mau cách nhau 500Km nên có khi cả năm anh mới về thăm vợ con tuy nhiên anh vẫn chu cấp cho vợ con mỗi tháng 07 triệu đồng. Khoảng tháng 7-8/2024 chị T nói chuyện ly hôn anh chỉ nghĩ chị T giận nên nói vậy dọa anh thôi. Đến khi anh nhận được thông báo của Tòa án mới biết chị T làm thủ tục ly hôn thật. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh có khó khăn trong công việc ít về với vợ con nhưng anh vẫn chu cấp đều đặn. Hiện tại anh đã về gia đình tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, Tiên Du sống vì đi làm ăn xa khó khăn anh muốn về quê gọi vợ về cùng làm ăn. Đối với việc chị T xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ, anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn H2, sinh ngày 17/12/2021. Con đang ở cùng ông bà ngoại ở Hà Tĩnh vì vợ chồng đi làm ăn xa nên từ nhỏ vợ chồng anh đã gửi con để ông bà ngoại chăm sóc. Anh không muốn vợ chồng ly hôn để con thiếu tình cảm bố mẹ. Tuy nhiên, nếu không hòa giải được thì anh muốn được giao quyền nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con của chị T với anh. Hiện tại anh mới về quê nên chưa tìm được công việc khác để làm tuy nhiên anh có nghề nấu ăn nên anh đủ tự tin có khả năng nuôi con tốt. Nếu anh không được nuôi con thì anh không đồng ý chu cấp nuôi con cho chị T. Ngoài ra để tránh trường hợp ảnh hưởng T lý con, anh muốn ai là người nhận quyền nuôi con cần phải có bản cam kết không kết hôn với người khác.

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm khởi kiện; Bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do nên phiên tòa tiếp tục xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đại diện VKS nhân dân huyện Tiên Du đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T. Chị T được ly hôn anh N.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn H2, sinh ngày 17/12/2021 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết;

Anh N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật;

Tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng*: Chị Bùi Thị T làm đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Công N, anh N có HKTT và hiện đang cư trú tại NC nên xét việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết vụ án là hoàn toàn đúng thẩm quyền theo quy định;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo hợp lệ đến anh N nhưng anh chỉ có mặt làm việc trong thời gian đầu và chỉ tham gia buổi công khai chứng cứ cùng buổi hòa giải lần đầu còn các buổi hòa giải sau luôn vắng mặt không có lý do. Ngày 14/4/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng nên việc vắng mặt của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại buổi xét xử lần đầu anh N vắng mặt không có lý do nên HĐXX hoãn phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa đã được giao cho anh N tuy nhiên anh N vẫn vắng mặt. Lần vắng mặt tại phiên tòa lần này là lần thứ hai nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Công N kết hôn năm 2021. Anh chị có đăng ký kết hôn, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn;

[2.1] . Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Cuộc sống vợ chồng chị thực sự xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị trình bày là do anh N đam mê cá độ, lô đề, nợ nần rất nhiều. Luôn lấy lý do bận làm ăn không chăm lo cho vợ con; Anh N thì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chỉ vì vợ chồng sống xa nhau nên chị T giận dữ làm đơn ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ.

Xét, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã tiến hành hòa giải nhiều lần đối với anh chị tuy nhiên ngoài lần hòa giải đầu tiên anh N có mặt, các buổi hòa giải và làm việc tiếp theo anh N đều vắng mặt không có lý do; Chị T điều kiện sống ở xa nhưng luôn chấp hành có mặt đầy đủ trong quá trình Tòa án giải quyết nhưng anh N là người mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ lại luôn vắng mặt. Như vậy, thể hiện bản thân anh N không có ý thức trong việc hòa giải để giải tỏa mâu thuẫn vợ chồng; thể hiện rõ anh N đã tự từ bỏ quyền và không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có ý thức hàn gắn hôn nhân. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Công N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn H2, sinh ngày 17/12/2021.

Chị T và anh N đều có nguyện vọng muốn được nuôi con;

Xét, cháu Hân là con gái đến nay mới hơn 03 tuổi; Về công việc của chị T ổn định đủ điều kiện để chăm lo được cho con. Anh N đến nay công việc chưa ổn định, quá trình làm việc tại Tòa án anh cũng thừa nhận mình gặp khó khăn trong công việc nên xét cần giao cháu Hân cho chị T nuôi sau khi anh chị ly hôn là phù hợp;

Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Anh N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật;

Đối với việc anh N có quan điểm người nuôi con phải làm bản cam kết không được kết hôn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 238, 262, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công N;

[3] Về con chung: Giao con Nguyễn H2, sinh ngày 17/12/2021 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết;

Anh N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở;

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 2718 ngày 13/2/2025 của Chi cục thi hành án huyện Tiên Du.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã Minh Đạo;
- Dương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng